

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A LƯỚI
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-10-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Mai Loan

2. Ông: Hồ Văn Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1989; Nơi cư trú: Thôn Cur X, xã Hương L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Y V, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1988; Nơi cư trú: Thôn Cur X, xã Hương L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01-7-2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị Giang và anh Y V tự nguyện kết hôn, đăng ký ngày 16-5-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Kim H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng chung sống với

nhau không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh Y V có hành vi bạo lực thể xác thường xuyên. Nguyên nhân là do anh Y V ghen tuông mù quáng “cuồng ghen”, không có căn cứ. Anh Y V đã lên tận Ủy ban nhân dân xã Hương L, nơi chị G làm việc đánh đập chị G nhiều lần nên hai người không có tiếng nói chung. Gia đình, cha mẹ, hai bên nội, ngoại đã hòa giải, anh Y V hứa khắc phục nhưng không có gì thay đổi, mức độ xảy ra bạo lực gia đình ngày càng trầm trọng. Anh Y V đã dùng dao kề cổ chị G làm cho chị bị ám ảnh, không còn niềm tin ở nhau nên tình cảm và trách nhiệm giữa vợ chồng không còn, hạnh phúc không có; không thể duy trì và có được một gia đình hạnh phúc thực sự, chị G yêu cầu được ly hôn.

Về con: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Y L, sinh ngày 10-3-2014. Chị G là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu từ khi mới sinh cho đến nay, Chị G xin được nuôi con, không yêu cầu anh Y V cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị G trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 02-8-2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn Y V trình bày:

Anh với chị G kết hôn có đăng ký đúng như chị G trình bày. Thời gian mới kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau do chị G coi thường gia đình chồng. Bản thân anh Y V có tính ham chơi, nhưng không bỏ bê việc gia đình, có trách nhiệm với vợ con. Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chỉ vì thương vợ nên phát ghen, anh có sai trái, bạo lực với vợ. Anh Y V nhận thức được việc làm sai trái, đã khắc phục, không đồng ý ly hôn. Do vậy việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chia tài sản không đề cập.

Tòa án đã làm việc với đơn vị nơi chị G công tác, chính quyền địa phương, thôn, xóm công nhận vợ chồng xấu hổ nhau. Ngày 19-9-2019, Tòa án đã gặp cháu L, có sự chứng kiến của cô giáo chủ nhiệm, cô Hiệu trưởng mầm non xã Hương L để tham khảo ý kiến của cháu L về thái độ, tâm lý, tình thần, tình cảm của cháu đối với cha mẹ; điều kiện ăn ở, thời gian chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục con, vui chơi, giải trí thì cháu L cho biết cha, mẹ có mâu thuẫn, cãi vã nhau, có bạo lực, dùng đến hung khí để dọa nhau.

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không đưa ra chứng cứ mới. Anh Y V mong vợ thông cảm bỏ qua, tạo cơ hội để anh Y V sửa chữa sai lầm sống hòa thuận hạnh phúc, nuôi dạy con cái. Chị G kiên quyết ly hôn, xin nuôi con không yêu cầu anh Y V chu cấp, bởi anh Y V đã hứa sửa chữa nhiều lần mà không thực hiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, mong được ly hôn và nuôi con, không yêu cầu bị đơn nộp tiền cấp dưỡng. Bị đơn không đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đến trước khi nghị án Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn Y V kết hôn hợp pháp, đã có một con chung là cháu Nguyễn Y L, sinh ngày 10-3-2014. Vợ chồng mâu thuẫn do lối sống không hợp, do việc ghen tuông, ích kỷ đã xảy ra bạo lực trong gia đình, không thể duy trì lối sống chung, cùng nhau xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc. Vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị G. Về con chung: cháu L vẫn thương yêu cha mẹ, mong hai người hòa thuận, nếu phải ly hôn thì ở với mẹ cần tôn trọng ý kiến cháu L. Về tài sản và nghĩa vụ nợ nần không có yêu cầu nên không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 và áp dụng Điều 39 của Bộ luật Dân sự giải quyết cho chị G được ly hôn. Áp dụng Điều 58, khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu L cho chị G trực tiếp nuôi, anh Y V không phải cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 9 Luật Phí và lệ phí; Điều 146 và 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị G phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn Y V đều cư trú tại xã Hương L, huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A Lưới thụ lý vụ án là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn Y V kết hôn có đăng ký, được Ủy ban nhân dân xã Kim H, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình cấp

Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16-5-2013. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn: Tại các phiên họp và tại phiên tòa, cả hai thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hợp nhau, anh Y V thường xuyên ghen tuông, có xảy ra bạo lực gia đình, đã được hai bên nội ngoại giải quyết nhưng anh Y V không thay đổi tính cách. Chứng tỏ, vợ chồng đã không có nghĩa vụ và trách nhiệm chia sẻ, yêu thương nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trên cơ sở trình bày của các đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho Chị G ly hôn anh Y V; Không chấp nhận đề nghị của anh Y V.

[4] Về con: Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Vợ chồng chị G và anh Y V không thỏa thuận ai nuôi con được, hai người đều mong được nuôi con, ai cũng có thu nhập nhưng chị G ổn định hơn, cháu L đang học tập vui vẻ, có thái độ tâm lý tốt, xin ở với mẹ, nên giao cho chị G nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; không buộc anh Y V nộp tiền nuôi con, trừ trường hợp khi có yêu cầu thay đổi hoặc giải quyết bằng vụ án khác.

Anh Y V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc nguyên đơn chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị G ly hôn anh Nguyễn Văn Y V; quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Y L, sinh ngày 10-3-2014 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn Y V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: AA/2013/004261 ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A L, tỉnh Thừa Thiên Huế, chị G không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CCTHADS huyện A L;
- UBND xã Kim H;
- Các đương sự; Lưu; AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Vĩnh

